

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TPHCM, ngày 10 tháng 02 năm 2020



PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN

Vị trí dự tuyển⁽¹⁾: ...Logistics.....

Đơn vị dự tuyển⁽²⁾: Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng

Thành phố Hồ Chí Minh

Mã số đăng ký dự tuyển:GV.09.....

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN

Họ và tên: ...Huỳnh Chí Giỏi..... Ngày, tháng, năm sinh: 13/05/1993 Nam ☒ Nữ ☐

Dân tộc: ...Hoa..... Tôn giáo:Phật.....

Số CMND hoặc Thẻ căn cước công dân: 024922395 Ngày cấp: 12/05/2010.

Nơi cấp: CA TPHCM.....

Số điện thoại để báo tin: 0909990185 Email: ...Huynhchigioi@gmail.com

Quê quán: ...TPHCM.....

Hộ khẩu thường trú: 184/38/31/26 Âu Dương Lâm P3 Q8 TPHCM

Chỗ ở hiện nay (để báo tin): 118/10 Âu Dương Lâm P3 Q8 TPHCM.....

Tình trạng sức khỏe: ...Tốt....., Chiều cao: ...170 cm....., Cân nặng: ...65...kg

Thành phần bản thân hiện nay:

Trình độ văn hóa: ...12/12.....

Trình độ chuyên môn: ...Thạc sĩ chuyên ngành Tổ Chức và Quản lý Vận Tải

Loại hình đào tạo:Chính quy.....

II. THÔNG TIN ĐÀO TẠO

Ngày, tháng, năm cấp văn bằng, chứng chỉ	Tên trường, cơ sở đào tạo cấp	Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Số hiệu của văn bằng, chứng chỉ	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bằng điểm)	Ngành đào tạo	Hình thức đào tạo	Xếp loại bằng, chứng chỉ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
11/11/2015	ĐH Giao Thông Vận Tải TPHCM	Đại học	277959	Kinh tế vận tải biển	Kinh tế vận tải	Chính quy	Giỏi
05/04/2018	ĐH Giao Thông Vận Tải TPHCM	Thạc sĩ	GTS-ThS 000276	Tổ Chức và Quản lý Vận Tải		Chính quy	
20/09/2017	ĐH Giao Thông Vận Tải TPHCM	Chứng chỉ	0106508	Ứng dụng CNTT cơ bản			
16/01/2017	ĐH Sư phạm Hà Nội 2	Chứng chỉ	022533	Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm			Giỏi
26/07/2017	ĐH Quốc gia Hà Nội	Chứng chỉ	17.00046/GV-III	Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp GV hạng III			
24/05/2019	ĐH Thái Nguyên	Chứng chỉ	031429	Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp GV hạng II			
17/05/2019	IIG Vietnam	Chứng chỉ	VN2001	TOEIC 620			



III. ĐỐI TƯỢNG ƯU TIÊN (nếu có)

.....

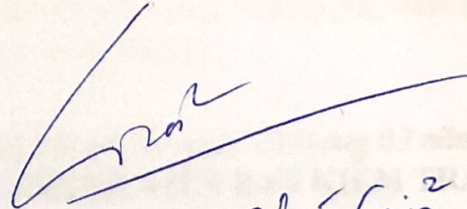
.....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên của tôi là đúng sự thật. Sau khi nhận được thông báo trúng tuyển tôi sẽ hoàn thiện hồ sơ và nộp theo đúng thời gian quy

định. Nếu sai sự thật thì kết quả tuyển dụng của tôi sẽ bị Nhà trường hủy bỏ, tôi sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật và cam kết không đăng ký tham gia kỳ tuyển dụng kế tiếp tại Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh./.

NGƯỜI VIẾT PHIẾU

(Ký, ghi rõ họ tên)


Huỳnh Chí Cường

Ghi chú:

- (1) Ghi đúng vị trí việc làm đăng ký dự tuyển;
- (2) Ghi đúng tên cơ quan, tổ chức, đơn vị có chỉ tiêu tuyển dụng;
- (3) Người viết phiếu tích dấu X vào ô tương ứng ô Nam, Nữ.

**PHÂN NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ
CỦA BAN KIỂM TRA PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN**

Người dự tuyển: **Huỳnh Chí Giỏi**

Sinh ngày: 13/05/1993

Mã số đăng ký dự tuyển: GV09

Ngành dự tuyển: Logistics

Các văn bằng, chứng chỉ trên của ứng viên phù hợp với điều kiện dự tuyển viên chức của trường. Về tính xác thực của các văn bằng, chứng chỉ, Nhà trường sẽ tiếp tục xác minh thông qua liên hệ với các cơ sở đào tạo.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 02 năm 2020

TRƯỞNG BAN KIỂM TRA

THÀNH VIÊN BAN KIỂM TRA



Phạm Hữu Lộc

Lâm Viết Dũng

Phan Thị Ngọc Phượng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI TP. HỒ CHÍ MINH

cấp
BẰNG THẠC SĨ
NGÀNH TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ VẬN TẢI

Cho: *Huỳnh Chí Giới*

Sinh ngày: 13/05/1993

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 4 năm 2018



Chứng thực bản sao đúng với bản chính
Số chứng thực... 644-...-01... quyền số... SCT/BS

Ngày... 30... tháng... 04... năm... 2020

Phó Chủ tịch UBND Phường 3, Quận 8



Số hiệu: GTS-ThS 000276

Số vào sổ cấp bằng: 00098/2018



Châu Vĩnh Viễn

BẢNG ĐIỂM CAO HỌC

Cấp cho ông (bà): **HUỲNH CHÍ GIỎI**

Học viên lớp cao học: TC1601

Hình thức đào tạo: Giáo dục chính quy

Ngành: Tổ chức và quản lý vận tải

Mã HV: 1684031009

Ngày sinh: 13/05/1993

Nơi sinh: TP. Hồ Chí Minh

Khóa học: 2016-2018

Số TT	Tên môn học	Số TC	Điểm
1	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	8,4
2	Bảo hiểm vận tải	3	7,2
3	Quản trị dự án	3	8,0
4	Anh văn	4	8,0
5	Thương mại vận tải thủy	3	7,2
6	Cơ sở pháp lý của quản lý kinh tế	3	7,8
7	Logistic và vận tải đa phương thức	3	8,2
8	Quản trị tài chính	3	6,9
9	Kinh tế vận tải thủy	3	7,5
10	Triết học	3	8,5
11	Quản lý khai thác vận tải thủy	3	6,5
12	Quản lý khai thác cảng	3	7,6
13	Quan hệ kinh tế quốc tế	3	7,1
14	Quản trị chiến lược	3	7,5
15	Quản trị Marketing	3	8,5

Điểm trung bình chung các môn học: 7,7

Điểm bảo vệ luận văn: 8,2

Đề tài luận văn: Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh công ty Cổ Phần Cảng Đồng Nai đến năm 2020

Bảo vệ luận văn ngày 29 tháng 12 năm 2017 tại Hội đồng chấm luận văn gồm:

- | | |
|--------------------------|---------------------|
| 1. Ts. Nguyễn Văn Khoáng | Chủ tịch hội đồng; |
| 2. Ts. Trương Quang Dũng | Ủy viên, phản biện; |
| 3. Ts. Nguyễn Văn Hình | Ủy viên, phản biện; |
| 4. Ts. Nguyễn Hải Quang | Ủy viên; |
| 5. Ts. Lê Phúc Hòa | Ủy viên, thư ký; |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 12 năm 2019



VIỆN ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC
TRƯỜNG

PGS.TS. Đặng Xuân Kiên

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

RECTOR

HO CHI MINH CITY UNIVERSITY OF TRANSPORT

has conferred
THE DEGREE OF ENGINEER

Transport Economics
(Sea Transport Economics)

Upon: *Mr. Huỳnh Chí Giỏi*

Date of birth: 13 May 1993

Year of graduation: 2015

Degree classification: Very good

Mode of study: Full - time

Chứng thực bản sao đúng với bản chính

Số chứng thực.....643---01.....Quyển số.....SCT/BS

Ngày.....tháng.....năm.....

Phó Chủ tịch UB..... ngày 3, Quận 8

Reg. No: 15295



Chái Vĩnh Viễn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI TP. HỒ CHÍ MINH

cấp
BẰNG KỸ SƯ

Kinh tế vận tải
(Kinh tế vận tải biển)

Cho: *Ông Huỳnh Chí Giỏi*

Ngày sinh: 13/05/1993

Năm tốt nghiệp: 2015

Xếp loại tốt nghiệp: Giỏi

Hình thức đào tạo: Chính quy

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 11 năm 2015



Số hiệu: 277959

Số vào sổ cấp bằng: 15295



PGS.TS. Nguyễn Văn Thư



KẾT QUẢ HỌC TẬP VÀ RÈN LUYỆN

Sinh viên: **HUYỀN CHÍ GIỚI**
Ngày sinh: 13/05/1993
Chuyên ngành: Kinh tế vận tải biển
Ngành: Kinh tế vận tải

Mã số sinh viên: 1154010040
Nơi sinh: TP Hồ Chí Minh
Khóa học: 2011-2015
Trình độ/H.thức đào tạo: Đại học chính quy

Mã HP	Tên học phần	Tín chí	Điểm hệ 10	Điểm hệ 4	
HK 1 - NH 11-12 - KT11A					
001004	Toán cao cấp	4	9.0	A	4.00
004001	Giáo dục thể chất (Điền kinh)	1	5.4	D+	1.50
005001	Nguyên lý CBCN Mác-Lênin	5	8.0	B+	3.50
005004	Pháp luật đại cương	2	8.0	B+	3.50
006001	Tiếng Anh cơ bản 1	3	6.6	C+	2.50
007001	Đường lối quân sự của Đảng	1	8.0	B+	3.50
007002	Công tác quốc phòng, an ninh	1	8.0	B+	3.50
007003	Quân sự chung	1	10	A	4.00
007004	Chiến thuật & KT bắn súng TLAK	1	6.0	C+	2.50
ĐTBHK 7.99 ĐBTBL 7.99 ĐTB4 3.43 ĐBTBL4 3.43 ĐRL 81					
HK 2 - NH 11-12 - KT11A					
004002	Giáo dục thể chất (B.Chuyên 1)	1	5.2	D+	1.50
005002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	8.3	B+	3.50
006002	Tiếng Anh cơ bản 2	3	7.6	B	3.00
071410	Lý thuyết tàu	2	9.0	A	4.00
122023	Tin học đại cương	2	9.3	A	4.00
411002	Luật kinh tế	2	6.4	C+	2.50
412017	Hàng hoá vận tải	2	8.8	A	4.00
414001	Kinh tế vi mô 1	2	8.0	B+	3.50
414012	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	9.0	A	4.00
ĐTBHK 8.26 ĐBTBL 8.14 ĐTB4 3.53 ĐBTBL4 3.48 ĐRL 80					
HK 1 - NH 12-13 - KT11A					
005003	Đường lối CM của Đảng CSVN	3	8.6	A	4.00
012007	Đại cương hàng hải	2	9.5	A	4.00
081082	Máy xếp dỡ	2	9.0	A	4.00
093013	Thủy văn-Công trình cảng	2	6.6	C+	2.50
412001	Địa lý vận tải thủy	2	7.2	B	3.00
413001	Kinh tế môi trường	2	9.0	A	4.00
414003	Kinh tế vĩ mô 1	2	8.5	A	4.00
414007	Kinh tế vi mô 2	2	7.7	B	3.00
ĐTBHK 8.28 ĐBTBL 8.19 ĐTB4 3.59 ĐBTBL4 3.52 ĐRL 80					
HK 2 - NH 12-13 - KT11A					
001012	Xác suất thống kê	3	9.4	A	4.00
001013	Toán kinh tế	2	9.1	A	4.00
413002	Kinh tế công cộng	2	8.6	A	4.00
413004	Tài chính tiền tệ	2	9.6	A	4.00
413005	Nguyên lý kế toán	2	10.0	A	4.00
414006	Kinh tế vận tải biển	3	10.0	A	4.00

Mã HP	Tên học phần	Tín chí	Điểm hệ 10	Điểm hệ 4	
414009	Kinh tế vĩ mô 2	2	8.9	A	4.00
004004	Giáo dục thể chất (Bơi 1)	1	6.0	C+	2.50
412003	Khoa học quản lí	2	9.0	A	4.00
412005	Lí thuyết dự báo kinh tế	2	8.6	A	4.00
ĐTBHK 9.29 ĐTBTL 8.51 ĐTB4 4.00 ĐTBTL4 3.66					
HK 1 - NH 13-14 - KT11A					
001015	Kinh tế lượng	2	8.6	A	4.00
411004	Luật vận tải biển	3	7.9	B	3.00
412007	Quản lý khai thác cảng	3	8.7	A	4.00
412009	TK Quản lý khai thác cảng	1	8.0	B+	3.50
413003	Kinh tế phát triển	2	7.5	B	3.00
414005	Nguyên lý thống kê	2	8.8	A	4.00
416012	Quản trị Marketing	2	9.0	A	4.00
ĐTBHK 8.37 ĐTBTL 8.49 ĐTB4 3.63 ĐTBTL4 3.66 ĐRL 80					
HK 2 - NH 13-14 - KT11A					
006411	Anh văn thương mại 1	3	8.6	A	4.00
412010	TK Quản lý khai thác đội tàu	1	6.5	C+	2.50
413007	TKMH Quản trị tài chính	1	8.6	A	4.00
414015	Thực tập chuyên đề	2	5.5	C	2.00
412012	Quản lý khai thác đội tàu	3	6.6	C+	2.50
413010	Quản trị dự án đầu tư	2	9.3	A	4.00
413011	Nghiệp vụ kế toán	2	10.0	A	4.00
413014	Quản trị tài chính	3	9.1	A	4.00
414024	Quản trị nhân sự	3	8.6	A	4.00
411009	Quản trị chất lượng	2	8.9	A	4.00
413008	Thanh toán quốc tế	2	8.2	B+	3.50
ĐTBHK 8.23 ĐTBTL 8.43 ĐTB4 3.54 ĐTBTL4 3.63					
HK 1 - NH 14-15 - KT11A					
006412	Anh văn thương mại 2	3	9.3	A	4.00
411005	Đại lý tàu biển và giao nhận	3	7.3	B	3.00
411007	Thương mại hàng hải	3	6.5	C+	2.50
413005	Nguyên lý kế toán	2	9.0	A	4.00
414010	Phân tích hoạt động kinh tế	3	8.9	A	4.00
414011	TKMH P.tích hoạt động kinh tế	1	8.0	B+	3.50
ĐTBHK 8.13 ĐTBTL 8.38 ĐTB4 3.47 ĐTBTL4 3.60 ĐRL 81					
HK 2 - NH 14-15 - KT11A					
414016	Thực tập tốt nghiệp	3	9.0	A	4.00
414017	Làm Luận văn/Thi tốt nghiệp	10	7.6	B	3.00
ĐTBHK 7.92 ĐTBTL 8.34 ĐTB4 3.23 ĐTBTL4 3.57					

KẾT QUẢ HỌC TẬP VÀ RÈN LUYỆN

Sinh viên:
Ngày sinh:

Mã số sinh viên:
Nơi sinh:

Mã HP	Tên học phần	Tín chí	Điểm hệ 10	Điểm hệ 4
-------	--------------	------------	---------------	-----------

Mã HP	Tên học phần	Tín chí	Điểm hệ 10	Điểm hệ 4
-------	--------------	------------	---------------	-----------

Tổng số tín chỉ đạt chung: **140**

Điểm trung bình tích lũy: **8.34** Hệ 4: **3.57**

Phân loại: **Giỏi**

Điểm rèn luyện toàn khóa: **80**

Phân loại rèn luyện: **Tốt**

Ghi chú:

- HP: Học phần
- HK: Học kỳ
- NH: Năm học
- ĐTBHK: Điểm trung bình học kỳ
- ĐBTBL: Điểm trung bình tích lũy

Người lập biểu


Nguyễn Thị Ngọc



TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2019
TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

TS. Trần Thiện Lưu



126

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM

Cấp cho: **HUỖNH CHÍ GIỎI**

Sinh ngày: **13/05/1993**

Nơi sinh: **Thành phố Hồ Chí Minh**

Đã hoàn thành chương trình

Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên đại học, cao đẳng

Từ ngày **24** tháng **09** năm **2016** đến ngày **24** tháng **12** năm **2016**

Hội đồng thi: **Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2**

Xếp loại: **Giỏi**

Chứng thực bản sao đúng với bản chính

Số chứng thực.....**642**.....**Hà Nội**, Ngày **16** tháng **01** năm **2017**

Ngày **30-01-2020** năm

TRƯỞNG

ĐẠI HỌC

SƯ PHẠM

HÀ NỘI

Phó Chủ tịch UBND Phường 3, Quận 8

Số hiệu: **022523**

Số vào sổ cấp chứng chỉ: **2737**

Nguyễn Văn Tuyên



Chai Vinh Viên



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ

ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

Cấp cho: **HUỲNH CHÍ GIỎI**

Sinh ngày: **13/05/1993** Nơi sinh: **Tp. Hồ Chí Minh**

Đạt yêu cầu bài thi ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản tại Hội đồng thi:

Chứng thực bản sao đúng với bản chính

Trường Đại học Giao thông vận tải TP. Hồ Chí Minh, ngày 09/09/2017

Số chứng thực: 6.4.2 - - - - - quyền sở SCT/BS

Kết quả: Điểm trắc nghiệm: **3.0** Ngày: **3.0.01.2020** Điểm thực hành: **7.0**

Phó Chủ tịch UBND Phường 3, Quận 8

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 09 năm 2017



Số hiệu: **8471/2017**

Số vào sổ cấp chứng chỉ: **BI01/22/CD**

Chai Vĩnh Viễn



PGS-TS. Nguyễn Văn Thư

R

LISTENING AND READING
OFFICIAL SCORE CERTIFICATE



Huynh Chi Gioi

Name

024922395

Identification
Number

1993/05/13

Date of Birth
(yyyy/mm/dd)

2019/05/17

Test Date
(yyyy/mm/dd)

2021/05/17

Valid Until
(yyyy/mm/dd)

LISTENING

310

Your score

5 495

READING

310

Your score

5 495

TOTAL
SCORE

620

Official Representatives of ETS: IIG Vietnam, IIG Education Laos, IIG Education Cambodia, IIG Education Myanmar

VN2001

Copyright © 2018 by Educational Testing Service. All rights reserved. ETS, the ETS logos, and TOEIC are registered trademarks of Educational Testing Service.

Detach Here

LISTENING

Your scaled score is close to 300. Test takers who score around 300 typically have the following strengths:

- They can sometimes infer the central idea, purpose, and basic context of short spoken exchanges, especially when the vocabulary is not difficult.
- They can understand the central idea, purpose, and basic context of extended spoken texts when this information is supported by repetition or paraphrase.
- They can understand details in short spoken exchanges when easy or medium-level vocabulary is used.
- They can understand details in extended spoken texts when the information is supported by repetition and when the requested information comes at the beginning or end of the spoken text. They can understand details when the information is slightly paraphrased.

To see weaknesses typical of test takers who score around 300, see the *Proficiency Description Table.

READING

Your scaled score is between 250 and 350. Test takers who score around 250 typically have the following strengths:

- They can make simple inferences based on a limited amount of text.
- They can locate the correct answer to a factual question when the language of the text matches the information that is required. They can sometimes answer a factual question when the answer is a simple paraphrase of the information in the text.
- They can sometimes connect information within one or two sentences.
- They can understand easy vocabulary, and they can sometimes understand medium-level vocabulary.
- They can understand common, rule-based grammatical structures. They can make correct grammatical choices, even when other features of language, such as difficult vocabulary or the need to connect information, are present.

To see weaknesses typical of test takers who score around 250, see the *Proficiency Description Table. If your performance is closer to 350, you should also review the descriptors for test takers who score around 350.

ABILITIES MEASURED

PERCENT CORRECT OF
ABILITIES MEASURED

0% 52 100%

ABILITIES MEASURED

PERCENT CORRECT OF
ABILITIES MEASURED

0% 28 100%

Can infer gist, purpose and basic context based on information that is explicitly stated in short spoken texts	52
Can infer gist, purpose and basic context based on information that is explicitly stated in extended spoken texts	72
Can understand details in short spoken texts	82
Can understand details in extended spoken texts	57

Can make inferences based on information in written texts	28
Can locate and understand specific information in written texts	85
Can connect information across multiple sentences in a single written text and across texts	63
Can understand vocabulary in written texts	67
Can understand grammar in written texts	66

* Proficiency Description Table can be found on our web site, www.ets.org/toeic

Phó Chủ tịch UBND Phường 3, Quận 8

HOW TO READ YOUR SCORE REPORT:

Percent Correct of Abilities Measured:

Percentage of items you answered correctly on this test form for each one of the Abilities Measured. Your performance on questions testing these abilities cannot be compared to the performance of Test takers who take other forms or to your own performance on other test forms.

Note: TOEIC scores more than two years old cannot be reported or validated.



Thái Vĩnh Viễn

Copyright © 2018 by Educational Testing Service. All rights reserved. ETS, the ETS logos, and TOEIC are registered trademarks of Educational Testing Service.